

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26/4/2019
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG KHÁNH - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Hoàng Thanh Tâm

2/ Ông Phạm Quốc Thân

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Cô Lê Thị Hoa, cán bộ TAND thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện VKS nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân TXLK, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 656/2018/TLST-HNGĐ ngày 14/8/2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/4/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn LH, xã AT, huyện LT, tỉnh Quảng Bình.

- Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu 2, ấp CT, xã XT, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại: Đội F, Phân trại X, Trại giam Y, Cục Z, Bộ Công an.

(Ông H vắng mặt, bà T có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 13/8/2018, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Thu T trình bày:

Năm 2009, bà và ông Lê Văn H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã XT, TXLK, tỉnh Đồng Nai.

Cuộc sống chung không hạnh phúc do tính cách không phù hợp, luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn và đã không còn chung sống với nhau từ tháng 4 năm 2017 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Ông bà chung sống có 02 con chung là cháu Lê Thị Mỹ C1, sinh ngày 30/9/2009 và cháu Lê Văn C2, sinh ngày 24/12/2010. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có

* Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn H xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Từ khi ông chấp hành án tại Trại giam Y vào tháng 4 năm 2017 đến nay, bà T chưa lần nào đến thăm ông, không quan tâm đến ông, tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn và không thể hàn gắn được nên nay bà T yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: Do ông đang phải chấp hành án nên ông đồng ý giao 02 con chung là cháu Lê Thị Mỹ C1, sinh ngày 30/9/2009 và cháu Lê Văn C2, sinh ngày 24/12/2010 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có

* Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật. Đồng thời phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thu T và ông Lê Văn H được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Lê Thị Mỹ C1, sinh ngày 30/9/2009 và Lê Văn C2, sinh ngày 24/12/2010 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông H khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Bà Lê Thị Thu T có đơn yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn H. Yêu cầu khởi kiện này thuộc những trường hợp tranh chấp về Hôn nhân và gia đình với vụ việc được xác định là “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thẩm quyền:

Ông Lê Văn H, có hộ khẩu thường trú tại: Ấp CT, xã XT, TXLK, tỉnh Đồng Nai, là người bị nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân TXLK, tỉnh Đồng Nai theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Lê Văn H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Bà T và ông H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại UBND xã XT, thị xã LK nên được pháp luật về hôn nhân và gia đình công nhận.

Tại phiên tòa, bà T cho rằng cuộc sống chung không hạnh phúc do tính cách không phù hợp, luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn và từ khi ông H đi chấp hành án tại Trại giam Y vào tháng 4 năm 2017 đến nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông H. Điều này được ông H thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án và đồng ý ly hôn với bà T. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa bà T và ông H.

[5] Về con chung: Bà T và ông H chung sống có hai con chung là cháu Lê Thị Mỹ C1, sinh ngày 30/9/2009 và cháu Lê Văn C2, sinh ngày 24/12/2010. Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu này của bà T được ông H chấp nhận phù hợp với quy định tại [khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình](#) nên chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông H khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhận thấy :

Quan điểm của Đại diện viện kiểm sát phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu T.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Thu T và ông Lê Văn H

- Về con chung: Giao cháu Lê Thị Mỹ C1, sinh ngày 30/9/2009 và cháu Lê Văn C2, sinh ngày 24/12/2010 cho bà Lê Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Lê Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, ông H và bà T được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà T khai không có nên không giải quyết.

- Về án phí: Bà Lê Thị Thu T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Biên lai thu tiền số 002749 ngày 13/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự TXLK. Bà T đã nộp đủ.

Bà T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông H thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

** Nơi nhận:*

- TA Tỉnh Đồng Nai;
- VKS TXLK;
- THADS TXLK;
- UBND xã XT;
- Dương sự;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thùy Trang

